

Vận dụng Thuyết hành vi dự định trong hành vi liên kết giữa hộ nuôi với tác nhân tham gia chuỗi cá Hồng Mỹ tại Việt Nam

Nguyễn Thị Nga*

Trường Đại học Nha Trang

Ngày nhận bài: 07/07/2019, ngày gửi phản biên: 12/08/2019, ngày duyệt đăng: 16/9/2019

Mục đích chính của bài viết là nhằm giải thích hành vi liên kết giữa hộ nuôi với các tác nhân trong chuỗi cá Hồng Mỹ tại Việt Nam thông qua vận dụng thuyết hành vi dự định. Bài viết sử dụng mô hình phương trình cấu trúc dựa trên kỹ thuật phân tích bình phương tối thiểu từng phần với phần mềm Smart PLS để đánh giá độ tin cậy các thang đo từ mẫu khảo sát gồm 170 hộ nuôi tại 5 tỉnh: Kiên Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu, Khánh Hòa, Phú Yên và Nghệ An. Kết quả nghiên cứu chỉ ra các giả thuyết nghiên cứu: Thái độ đối với liên kết, Chuẩn mực xã hội đối với liên kết, Kiểm soát hành vi đối với liên kết, Ý định liên kết, Chia sẻ thông tin, Cam kết, và Hợp đồng liên kết đều được ủng hộ, phù hợp dữ liệu, và khẳng định vận dụng thuyết hành vi dự định trong bối cảnh chuỗi cá Hồng Mỹ là phù hợp và quan trọng tạo nên những đóng góp ý nghĩa cả về học thuật và các hàm ý chính sách.

Từ khóa: Cá hồng Mỹ, Chuỗi cung ứng, Lý thuyết hành vi dự định, Liên kết

1. Giới thiệu

Liên kết giữa các tác nhân tham gia chuỗi là một chiến lược hiệu quả để cải thiện, tăng cường kết quả sản xuất kinh doanh và các lợi thế cạnh tranh theo thời gian. Bởi vì, thông qua mỗi liên kết có thể giúp tác nhân chia sẻ rủi ro, sử dụng nguồn lực sẵn có, giảm chi phí giao dịch và nâng cao năng suất (Soosay & cộng sự, 2008, tr.160). Do vậy, liên kết chuỗi đang trở lên rất quan trọng trong xu thế hiện nay.

Hầu hết các công trình nghiên cứu trước đây đã sử dụng các cách tiếp cận khác nhau để nghiên cứu về liên kết/hợp tác chuỗi cung ứng. Và để thực hiện nghiên cứu về lĩnh vực này, các nghiên cứu đều tập trung sử dụng những lý thuyết như: lý thuyết chi phí giao dịch, lý thuyết dựa trên nguồn lực (Trang, 2017, tr.21,28). Mục đích chung của các nghiên cứu này đều nhằm phát triển chuỗi cung hiệu quả và đưa ra những giải pháp hữu ích nâng cao hiệu quả hoạt động chuỗi. Tuy nhiên, tất các nghiên cứu này đều thực hiện nghiên cứu dựa trên quan điểm, niềm tin và định hướng trong liên kết /hợp tác chuỗi. Trong khi đó, đối với các nghiên cứu trong liên kết chuỗi từ quan điểm của các cá nhân là rất hiếm, nhưng ngày càng quan trọng trong bối cảnh nghiên cứu chuỗi cung, đặc biệt xem xét động cơ và hành vi của cá nhân tham gia liên kết chuỗi. Bởi vì, một chuỗi cung không thể tồn tại để phát triển hiệu quả, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh mà không biết được động cơ và hành vi của từng tác nhân

* ngant@nntu.edu.vn

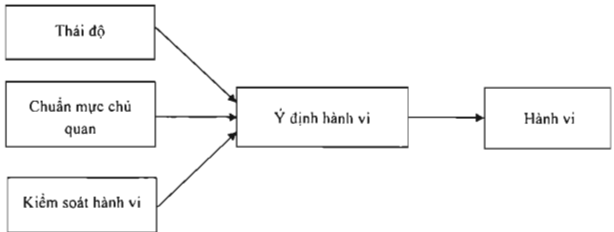
trong chuỗi (Rezaie & cộng sự, 2018, tr.152-153). Khi nghiên cứu hành vi chủ thể, một trong những lý thuyết hữu ích nhất là lý thuyết về hành vi dự định (TPB), hiện đang được ngày càng áp dụng trong nhiều lĩnh vực và đặc biệt hơn nó có khả năng ứng dụng rất lớn trong bối cảnh nông nghiệp và phát triển nông thôn (Rezaie & cộng sự, 2018, tr.153). Trên thực tế tại Việt Nam, có rất ít nghiên cứu thực nghiệm xem xét các khía cạnh ý định và hành vi của chủ thể trong liên kết chuỗi, và phần lớn trong số các nhà nghiên cứu họ tập trung vào người tiêu dùng (Tựu & cộng sự, 2018, tr.40-57). Do vậy, đây là một khoảng trống nghiên cứu quan trọng trong lĩnh vực này. Và là một trong những nỗ lực đầu tiên trong bối cảnh liên kết chuỗi thủy sản tại Việt Nam, trong đó áp dụng mô hình TPB với mục đích dự đoán ý định và hành vi liên kết giữa hộ nuôi với các tác nhân tham gia chuỗi cung cá Hồng Mỹ tại Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết và đề xuất giả thuyết nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Lý thuyết hành vi dự định: Là một lý thuyết phổ biến trong phân tích hành vi của con người. Ajzen năm 1991 cho rằng ý định của con người như là nhân tố thúc đẩy cơ bản hành vi của họ. Và động cơ này bị dẫn dắt bởi ba tiền tố cơ bản là thái độ, chuẩn mực chủ quan, và kiểm soát hành vi được cảm nhận. Ý định là một nhân tố dự đoán tốt nhất hành vi dự định, và được giả định là tiền đề trực tiếp của hành vi. Vì vậy, theo mô hình TPB, ý định của một cá nhân để thực hiện một hành vi là một chức năng của thái độ cá nhân đối với các hành vi, chuẩn mực xã hội và Kiểm soát hành vi nhận thức (Ajzen, 1991, tr.180-183).

Hình 2.1: Mô hình hành vi dự định



Nguồn: Ajzen, 1991, tr.182

2.2. Đề xuất giả thuyết nghiên cứu

Thái độ: Là tiền đề quan trọng đối với ý định hành vi (Ajzen, 1991, tr.188). Thái độ là sự đánh giá tích cực hay tiêu cực của cá nhân về hành động cụ thể (Ajzen & Fishbein, 1980). Một người tin rằng kết quả tích cực có giá trị sẽ cho **kết quả** từ thực hiện hành vi này, sẽ có một thái độ tích cực đối với hành vi. Theo mô hình TPB, thái độ càng **thuận lợi** đối với hành vi thì cá nhân đó càng có nhiều khả năng để thực hiện hành vi cụ thể đó (Ajzen, 1991, tr.189). Do vậy, thái độ đối với liên kết được hiểu là thái độ để tham gia thực hiện mỗi liên kết giữa hộ nuôi với các tác nhân trong chuỗi là một lựa chọn đúng đắn, một điểm

tích cực nên làm, mang lại lợi ích và sự hài lòng cho tất cả các tác nhân trong chuỗi. Do vậy, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất:

H1: Thái độ đối với liên kết có tác động dương đối với ý định liên kết của hộ nuôi với các tác nhân trong chuỗi cá Hồng Mỹ

Chuẩn mực chủ quan: Hay còn gọi nguồn ảnh hưởng xã hội tác động lên một cá nhân để tham gia vào một hành vi cụ thể. Và phần lớn các nghiên cứu áp dụng mô hình TPB kết luận rằng chuẩn mực xã hội là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến ý định ((Ajzen và Fishbein, 1980). Từ lập luận trên tác giả đề xuất giả thuyết:

H2: Chuẩn mực xã hội đối với liên kết có tác động dương đối với ý định liên kết của hộ nuôi với đối tác trong chuỗi cá Hồng Mỹ

Kiểm soát hành vi: Là nhận thức của cá nhân về việc dễ hay khó khi thực hiện hành vi cụ thể (Ajzen và Fishbein, 1980). Những nhân tố kiểm soát có thể ở bên trong con người như: kỹ năng, kiến thức, thiếu khả năng..., hoặc bên ngoài con người như: thời gian, cơ hội, sự phụ thuộc,... (Ajzen, 1991, tr.183). Hay kiểm soát hành vi cảm nhận và ý định hành vi kết hợp có thể trực tiếp giúp xác định một hành vi cụ thể. Do đó, giả thuyết đưa ra:

H3: Kiểm soát hành vi đối với liên kết có tác động dương đối với ý định liên kết giữa hộ nuôi với các tác nhân trong chuỗi cá Hồng Mỹ

Ý định liên kết: Ý định được xem như là kết quả trực tiếp từ thái độ, được hiểu là sự tự nguyện để thực hiện một hành vi (Ajzen, 1991, tr.189). Lý thuyết TPB cho rằng, động cơ hay ý định là nhân tố thúc đẩy cơ bản của hành vi chủ thể. Vì vậy, hành vi được tạo ra từ ý định hay ý định liên kết là yếu tố dự đoán tốt nhất hành vi liên kết của tác nhân trong chuỗi. Do đó, khảo sát ý định liên kết giữa tác nhân trong chuỗi giúp nhận biết được các tác nhân sẽ tham gia liên kết hay không tham gia liên kết chuỗi. Vì vậy, tác giả đưa ra giả thuyết

H4 (H4^{abc}): Ý định liên kết có tác động dương đối với hành vi liên kết giữa hộ nuôi với các tác nhân trong cá Hồng Mỹ tại Việt Nam

Hành vi liên kết (H4^{abc}): Là khả năng tăng cường tương hỗ và mối quan hệ giữa các đối tác, và cho phép các đối tác trong chuỗi sắp xếp những mong đợi và hành vi của họ. Do đó, hành vi liên kết tạo điều kiện cải thiện hiệu suất hoạt động đến mức cho phép các đối tác phối hợp hoạt động tốt hơn, phù hợp với mong đợi của họ, và sắp xếp các quá trình để tăng cường giao dịch hiệu quả. Trong phạm vi nghiên cứu này hành vi liên kết giữa hộ nuôi với các tác nhân trong chuỗi được đo lường thông qua các biến quan sát như: chia sẻ thông tin, sự cam kết, và hợp đồng liên kết.

+ *Sự chia sẻ thông tin (H4^a):* Mỗi một chuỗi cung ứng là một quá trình động và liên quan đến dòng chảy liên tục của thông tin, nguyên liệu, tài chính qua nhiều khâu chức năng bên trong và giữa các thành viên chuỗi. Tại mức độ chiến lược, chia sẻ thông tin về mục tiêu kinh doanh cho phép cá nhân, tổ chức đạt được sự hiểu biết lẫn nhau về lợi thế cạnh tranh toàn hệ thống chuỗi như là một điểm khởi đầu của sự liên kết (Covington, 2000) [dẫn theo Simatupang & cộng sự, 2002, tr.304]. Cuối cùng, chia sẻ thông tin cũng rất hữu ích khi ứng phó với lỗ hổng trong mối quan hệ của hành vi cơ hội - bao gồm lựa chọn bất lợi và tâm lý ý lại (Simatupang & cộng sự, 2002, tr.296-297).

+ *Cam kết (H4^b):* Cam kết là một nhân tố ngày càng quan trọng trong đời mới cải thiện chuỗi (Gundlach & cộng sự, 1995, tr.78). Trong bối cảnh chuỗi gồm: cam kết đầu vào và cam kết thái độ. Cam

kết đầu vào liên quan đến các nguồn tài nguyên đầu tư vào tài sản kỹ thuật như nhà máy, máy móc, và các kỹ năng để cung cấp giá trị cho lẫn nhau (Handfield & cộng sự, 2004, tr.14-16). Đối với cam kết thái độ chỉ ra mục tiêu tương đồng, chia sẻ các giá trị, và tương đồng trong cách tiếp cận và thái độ. Như vậy, sự cam kết là giữa các đối tác trong chuỗi hướng đến duy trì và phát triển mối quan hệ liên kết ổn định và lâu dài lẫn nhau.

+ *Hợp đồng chuỗi cung ứng (H⁴)*: Hợp đồng chuỗi cung ứng được thiết kế để khuyến khích các thành viên ở phía hạ nguồn của chuỗi thực hiện số lượng đặt hàng tối ưu từ các thành viên phía thượng nguồn; đối với các thành viên ở phía thượng nguồn của chuỗi tính toán khả năng đáp ứng tốt nhất cho các thành viên phía hạ nguồn. Như vậy, các thành viên trong chuỗi cần liên kết bằng cách sử dụng hợp đồng chuỗi cung ứng để quản lý các mối quan hệ giữa nhà cung cấp và người mua cũng như quản lý rủi ro tốt hơn (Arshinder và cộng sự, 2008, tr.326).

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Cách tiếp cận

Để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu, tác giả thu thập dữ liệu sơ cấp từ việc phỏng vấn trực tiếp hộ nuôi cá Hồng Mỹ thương phẩm, các chuyên gia. Các thang đo trong phiếu điều tra được kế thừa và bổ sung các nghiên cứu trước đó và được đo lường bằng thang đo Likert 5 điểm.

3.2. Cách xác định cỡ mẫu, phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu

Cohen (1992, tr.25-26) cho rằng sử dụng phương pháp mô hình phương trình cấu trúc dựa trên kỹ thuật phân tích bình phương tối thiểu từng phần (PLS-SEM) trong phân tích thống kê, cỡ mẫu tối thiểu cần thiết sử dụng trong mô hình phương trình cấu trúc phụ thuộc vào các biến số độc lập trong mô hình nghiên cứu hay số lượng mũi tên chỉ vào cấu trúc trong mô hình đường dẫn PLS. Cụ thể, số biến độc lập trong mô hình cấu trúc là 5, cần 122 quan sát để đạt một sức mạnh thống kê (với mức ý nghĩa 5%). Như vậy, theo quan điểm Cohen (1992, tr.26) nghiên cứu này có 3 biến độc lập, vậy số mẫu cần ít nhất là 103. Do vậy, cỡ mẫu cần thiết cho nghiên cứu này được lấy là 170 quan sát (số mẫu phát ra 200 quan sát). Mẫu được thu thập bằng phương pháp phi xác suất thông qua phỏng vấn trực tiếp các hộ nuôi cá hồng Mỹ tại 5 tỉnh gồm: Kiên Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Khánh Hòa, Phú Yên, và Nghệ An, trong 6 tháng từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2018. Dữ liệu được nhập và làm sạch qua phần mềm Smart PLS 3.2.8.

4. Kết quả và thảo luận kết quả nghiên cứu

4.1. Kiểm định thang đo

Kết quả kiểm định thang đo cho thấy Cronbach's Alpha đều > 0,6 và độ tin cậy tổng hợp của các thang đo đều > 0.6. Đồng thời, các hệ số tải nhân số đều > 0,6 và phương sai trích đều > 0,5. Do đó, các thang đo sử dụng trong nghiên cứu đạt được độ giá trị hội tụ.

Bảng 4.1. Độ tin cậy và độ giá trị tin cậy

Cấu trúc khái niệm	Hệ số tải nhân tố	Cron bach' Alpha	Độ tin cậy tổng hợp	Phương sai trích (AVE)
<i>Thái độ đối với liên kết (TD)</i>		0,962	0,972	0,897
Hộ nuôi thực hiện liên kết với các tác nhân khác trong chuỗi là có lợi	0,952			
Hộ nuôi thực hiện liên kết với các tác nhân khác trong chuỗi là một lựa chọn đúng đắn	0,954			
Hộ nuôi thực hiện liên kết với các tác nhân khác trong chuỗi là điều tích cực nên làm	0,953			
Hộ nuôi thực hiện liên kết với các tác nhân khác trong chuỗi là mang lại sự hài lòng cho nhiều bên tham gia	0,931			
<i>Chuẩn mực xã hội đối với liên kết (CMXH)</i>		0,889	0,931	0,817
Khuyến khích hộ nuôi chúng tôi thực hiện sự liên kết chuỗi với các tác nhân trong chuỗi	0,904			
Mong muốn hộ nuôi chúng tôi thực hiện sự liên kết chuỗi với các tác nhân trong chuỗi	0,923			
Ép buộc hộ nuôi chúng tôi thực hiện sự liên kết chuỗi với các tác nhân trong chuỗi	0,885			
<i>Kiểm soát hành vi đối với liên kết (KSHV)</i>		0,940	0,962	0,893
Năng lực của hộ nuôi để thực hiện sự liên kết các tác nhân tham gia chuỗi là ...	0,949			
Mức độ dễ dàng để hộ nuôi để thực hiện sự liên kết với các tác nhân tham gia chuỗi là ...	0,940			
Khả năng để hộ nuôi tháo gỡ các khó khăn để thực hiện sự liên kết chuỗi với các tác nhân tham gia chuỗi là ...	0,946			
<i>Ý định liên kết (YDLK)</i>		0,942	0,963	0,896
Ước muốn thực hiện sự liên kết chuỗi với các tác nhân trong chuỗi của hộ nuôi là ...	0,952			
Mức độ sẵn sàng thực hiện sự liên kết chuỗi với các tác nhân trong chuỗi của hộ nuôi là ...	0,936			
Nhu cầu thực hiện sự liên kết chuỗi với các tác nhân trong chuỗi của hộ nuôi là ...	0,952			
<i>Chia sẻ thông tin (CSTT)</i>		0,793	0,865	0,617
<i>Hộ nuôi và đối tác thường xuyên...</i>				

... thông báo trước cho nhau về những thay đổi của nhu cầu thị trường	0,703			
... chia sẻ thông tin về các lợi ích có thể đạt được	0,790			
... chia sẻ thông tin về những rủi ro có thể xảy ra	0,866			
... chia sẻ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh	0,774			
Sự cam kết (CK)		0,818	0,890	0,730
<i>Hệ nuôi và đối tác luôn ...</i>				
... cam kết duy trì mối quan hệ liên kết dài hạn	0,881			
... tìm kiếm cách thức để duy trì và phát triển mối quan hệ liên kết,	0,835			
... thực hiện cam kết với các đối tác để duy trì mối liên kết	0,846			
Hợp đồng liên kết (HDLK)		0,841	0,885	0,607
<i>Hệ nuôi và đối tác thực hiện hợp đồng liên kết nhằm ...</i>				
... thiết lập, duy trì mối liên kết phát triển lâu dài - bền vững	0,673			
... đạt được sự ổn định sản phẩm từ khâu đầu vào đến đầu ra thị trường	0,780			
... giảm thiểu rủi ro từ khâu đầu vào đến đầu ra sản phẩm	0,825			
... nhằm hướng đến giảm chi phí toàn chuỗi	0,796			
... tăng lợi nhuận toàn chuỗi	0,813			

Nguồn: Tính toán của tác giả

Kết quả phân tích cho thấy, giá trị nhỏ nhất căn bậc hai trong các căn bậc hai của AVE là 0,779. Và giá trị lớn nhất tương quan giữa các cặp khái niệm là 0,454. Do vậy, giá trị nhỏ nhất căn bậc hai của AVE lại lớn hơn giá trị lớn nhất tương quan giữa các cấu trúc khái niệm ($0,779 > 0,454$), nên tương quan giữa các cấu trúc khái niệm đạt được độ giá trị phân biệt (Bảng 4.2).

Bảng 4.2. Tương quan giữa các cấu trúc khái niệm

	1	2	3	4	5	6	7
1.TD	0,947						
2.CMXH	0,223	0,904					
3.KSHV	0,054	0,101	0,945				
4.YDLK	0,454	0,283	0,214	0,947			
5.CSTT	0,132	0,174	0,045	0,419	0,785		
6.CK	0,136	0,289	0,122	0,281	0,380	0,854	
7.HDLK	0,080	0,158	0,124	0,206	0,388	0,276	0,779

Ghi chú: Căn bậc hai của AVE nằm trên đường chéo chính

Nguồn: Tính toán của tác giả

4.2. Kiểm định giả thuyết nghiên cứu

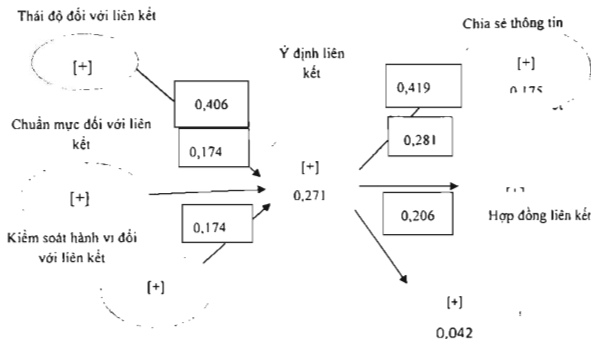
Bảng 4.3. Kết quả kiểm định mô hình

Giá thuyết		Mô hình nghiên cứu			VIF	Kết luận
		Std,B	t-value	Khoảng giá trị (Bootstrap)		
TD → YDLK	H1	0,406	5,723***	[0,272-0,542]	1,053	Ứng hộ
CMXH → YDLK	H2	0,174	2,674**	[0,057-0,300]	1,061	Ứng hộ
KSHV → YDLK	H3	0,174	2,809**	[0,046-0,294]	1,011	Ứng hộ
YDLK → CSTT	H4	0,419	6,438***	[0,288-0,545]	1,000	Ứng hộ
YDLK → CK	H5	0,281	3,774***	[0,148-0,433]	1,000	Ứng hộ
YDLK → HDLK	H6	0,206	2,876**	[0,110-0,360]	1,000	Ứng hộ
R ²					R ² CSTT = 0,175; R ² CK = 0,079; R ² HDLK = 0,042	
Effect size (f ²)					f ² TD → YDLK = 0,214 f ² CMXH → YDLK = 0,039 f ² KSHV → YDLK = 0,041 f ² YDLK → CSTT = 0,213 f ² YDLK → CK = 0,086 f ² YDLK → HDLK = 0,044	
Dự đoán					Q ² TD = 0,200; Q ² CMXH = 0,107; Q ² KSHV = 0,104; Q ² CSTT = 0,096; Q ² CK = 0,049; Q ² HDLK = 0,022	

Ghi chú: (***) $p < 0,001$; (**) $p < 0,01$; (*) $p < 0,05$

Nguồn: Tính toán của tác giả

Từ Bảng 4.3, kết quả kiểm định bootstrap cho thấy các hệ số này đều khác không. Hệ số VIF của các cấu trúc khái niệm đều nhỏ hơn 2. Do vậy, không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập. Hay tất cả các biến độc lập đều có tác động tích và ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) lên biến phụ thuộc hành vi liên kết chuỗi (chia sẻ thông tin, cam kết, và hợp đồng liên kết). Như vậy, tất cả các giá thuyết đề xuất đều được ứng hộ.

Hình 4.1. Mô hình nghiên cứu

Ghi chú: Hệ số đường dẫn nằm trên mũi tên, đều có ý nghĩa với $P < 0,05$

Kết quả phân tích tại Hình 1 cho thấy các biến số chia sẻ thông tin = 0,175, cam kết = 0,079, và hợp đồng liên kết = 0,042, điều này có nghĩa là mô hình nghiên cứu giải thích được lần lượt 17,5%, 7,9%, và 4,2% sự biến thiên của chia sẻ thông tin ($\beta = 0,419$), cam kết ($\beta = 0,281$), và hợp đồng liên kết ($\beta = 0,206$) giữa hộ nuôi với các tác nhân trong chuỗi cá hồng Mỹ tại Việt Nam, và được giải thích bởi biến độc lập ý định liên kết trong khi đó biến ý định liên kết được giải thích 27,1% bởi các thái độ đối với liên kết ($\beta = 0,406$), chuẩn mực xã hội đối với liên kết ($\beta = 0,174$), và kiểm soát hành vi đối với liên kết ($\beta = 0,174$). Như vậy, tất cả các giả thuyết đề xuất đều được ủng hộ.

4.3. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Liên quan đến việc giải thích ý định và hành vi liên kết chuỗi, ba biến số thái độ, kiểm soát hành vi và chuẩn mực chủ quan là ba biến số cơ bản trong mô hình hành vi dự định gốc. Kết quả nghiên cứu tại Hình 2 cho thấy, biến thái độ đối với liên kết có tác động tích cực và mạnh nhất đến ý định liên kết giữa hộ nuôi với các tác nhân tham gia chuỗi với hệ số tác động ($\beta = 0,406$), và phù hợp với nghiên cứu liên quan (Maichum & cộng sự, 2016, tr.13). Thái độ tích cực là rất cần thiết đối với bất kỳ sự thay đổi ý định và hành vi xảy ra. Chuẩn mực xã hội và kiểm soát hành vi đối với liên kết đều có hệ số tác động ($\beta = 0,174$), hai nhân tố tác động tiếp theo đến ý định liên kết chuỗi giữa hộ nuôi với các tác nhân trong chuỗi sản phẩm này. Đây là những biến số thúc đẩy ý định liên kết chuỗi, cụ thể chuẩn mực xã hội chỉ ra nhận thức của chủ thể về các áp lực của xã hội đối với việc thực hiện hay không thực hiện ý định liên kết trong khi đó kiểm soát hành vi là biến số rất quan trọng như rào cản để tác động ý định liên kết chuỗi, kết quả nghiên cứu tương đồng như các phát hiện của Gao & cộng sự (2017, tr.111); Maichum

& cộng sự (2016, tr.13); và Toni & cộng sự (2017, tr.17). Đặc biệt, nghiên cứu này bổ sung thêm ba biến số mới đại diện cho hành vi liên kết chuỗi trong mối quan hệ với ý định liên kết chuỗi mạng tính bối cảnh, chia sẻ thông tin, cam kết, và hợp đồng liên kết và tìm thấy kết quả đáng mong đợi. Cụ thể, biến ý định liên kết chuỗi được tìm thấy đều có tác động tích cực và đáng kể đến hành vi liên kết thông qua 03 biến số: chia sẻ thông tin, cam kết, và hợp đồng liên kết chuỗi. Trong đó, ý định liên kết được tìm thấy có tác động tích cực và mạnh đến chia sẻ thông tin ($\beta = 0,419$). Ý định liên kết tác động tích cực và đáng kể đến biến số thứ hai, đó là cam kết với hệ số tác động ($\beta = 0,281$). Cuối cùng, là biến số hợp đồng liên kết với hệ số tác động ($\beta = 0,206$).

5. Hàm ý chính sách

Thái độ đối với liên kết chuỗi: Kết quả nghiên cứu cho thấy thái độ liên kết chuỗi càng cao của hộ nuôi thì ý định liên kết chuỗi càng cao và ngược lại. Do vậy, để nâng cao nhận thức hộ nuôi đối với động cơ và hành vi liên kết thì cơ quan hữu quan tại địa phương cần tuyên truyền, phổ biến đến hộ nuôi cá Hồng Mỹ có được nhận thức tham gia liên kết chuỗi là có lợi, một lựa chọn đúng đắn, điều tích cực nên làm, và mang lại sự hài lòng cho tất cả các tác nhân tham gia. Như vậy, thái độ càng tích cực đối với hoạt động thì càng thúc đẩy ý định liên kết và sau đó hành vi liên kết thực tế sẽ xảy ra (Rezaei & cộng sự, 2018, tr.161-163).

Chuẩn mực xã hội đối với liên kết: Có tác động đáng kể đến ý định liên kết của hộ nuôi ($\beta = 0,174$), chuẩn mực chủ quan chỉ ra nhận thức của cá nhân về các áp lực của xã hội đối với việc thực hiện hay không thực hiện hành vi. Do vậy, cơ quan quản lý nhà nước cần phải ban hành các định chế điều chỉnh hành vi tham gia liên kết chuỗi giữa hộ nuôi với các tác nhân khác, chẳng hạn như chính sách ưu đãi đầu tư vào nuôi trồng thủy sản, chính sách quy hoạch vùng nuôi, hỗ trợ vốn, khuyến khích xuất khẩu,... Bên cạnh đó, cơ quan nhà nước nhận diện tầm quan trọng của các yếu tố định chế xã hội trong chính sách thay đổi hành vi; bằng việc khởi xướng, khuyến khích, mong muốn, hay ép buộc để thay đổi hành vi liên kết của chủ thể để giúp chuỗi cá Hồng Mỹ tại Việt Nam phát triển hiệu quả, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Kiểm soát hành vi đối với liên kết: Có ảnh hưởng đáng kể đến ý định liên kết của hộ nuôi. Điều này có nghĩa những thuận lợi hoặc khó khăn trong việc thực hiện một ý định hay hành vi có tác động trực tiếp đến mức độ thực hiện liên kết chuỗi. Trong thực tế khi kiểm soát hành vi đối với liên kết càng tăng, hộ nuôi sẽ có được động lực và tự tin nhiều hơn, và như vậy họ có động lực mạnh hơn để tham gia liên kết chuỗi. Chính vì vậy, cơ quan nhà nước phối hợp chặt chẽ cơ quan ban ngành địa phương cần tuyên truyền, phổ biến và tổ chức các khóa học ngắn hạn, các hội thảo để giúp hộ nuôi cũng như các tác nhân khác dễ dàng hơn hiểu về tầm quan trọng và lợi ích của liên kết chuỗi, họ sẽ chủ động thực hiện liên kết chuỗi.

Chia sẻ thông tin: Việc phối hợp giữa ý định và hành vi để giải thích chia sẻ thông tin. Điều này không có gì ngạc nhiên khi các tác nhân trong chuỗi bắt đầu nhận ra tầm quan trọng của chia sẻ thông tin như một nguồn lực quan trọng đối với tất cả các tác nhân tham gia chuỗi và do đó phải được quản lý một cách rõ ràng. Bởi vì, chuỗi cá Hồng Mỹ là một hình thức tổ chức phải được dựa trên các mối liên kết chặt chẽ giữa các tác nhân, tức là trong tất cả các giai đoạn của chuỗi như từ khâu đầu vào đến người tiêu dùng cuối cùng thông qua quá trình sản xuất và phân phối, thì chia sẻ thông tin là một lợi thế cạnh

tranh và chia khóa để các tác nhân mang lại lợi ích cao nhất và giúp chuỗi cung phát triển hiệu quả, bền vững, và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Cam kết: Tăng cường sự cam kết giữa hộ nuôi với các tác nhân trong chuỗi cá Hồng Mỹ tại Việt Nam được thể hiện thông qua nội dung chính sau: xây dựng và duy trì tốt mối quan hệ liên kết giữa hộ nuôi với các tác nhân trong chuỗi sản phẩm này, đặc biệt hơn là sự cam kết giữa các tác nhân trong chuỗi cần phải được thực hiện dựa trên những nguyên tắc chung như: duy trì mối quan hệ liên kết dài hạn; tìm kiếm cách thức mới để duy trì và phát triển mối quan hệ liên kết; và thực hiện cam kết với các tác nhân khác để duy trì mối liên kết chuỗi. Đây không chỉ là vấn đề riêng của mỗi tác nhân mà là sự nỗ lực, cố gắng của tất cả các tác nhân tham gia chuỗi sản phẩm này.

Hợp đồng liên kết: Hợp đồng là chất kết dính đóng vai trò ràng buộc bằng tính chất pháp lý cũng như những quy định cho việc giao dịch hàng hóa qua việc phân bổ rõ ba yếu tố chính: lợi ích, rủi ro, và quyền quyết định. Qua kết quả điều tra cho thấy hoạt động giao dịch mua bán giữa các tác nhân trong chuỗi (thương lái với hộ nuôi, thương lái với người bán buôn, thương lái với người bán lẻ) phần lớn dựa trên thỏa thuận bằng miệng không sử dụng hợp đồng tiêu thụ sản phẩm nên hộ nuôi rất bị động về thông tin giá cả, kích cỡ, số lượng, chất lượng sản phẩm xuất bán mà chưa thông qua hợp đồng. Chính vì vậy, các thành viên chuỗi cần liên kết bằng cách sử dụng hợp đồng chuỗi để quản lý các mối quan hệ giữa tác nhân, đảm bảo ổn định nguồn cung cấp đầu vào, đầu ra cũng như quản lý rủi ro tốt hơn, và mặt khác đảm bảo lợi ích cho tất cả các bên cũng như cho toàn chuỗi sản phẩm này.

Kết luận

Tóm lại, nghiên cứu vận dụng mô hình hành vi dự định với mục đích dự đoán mối quan hệ ý định và hành vi tham gia liên kết của hộ nuôi. Thông qua việc xem xét sự đóng góp của các biến: chia sẻ thông tin, cam kết, và hợp đồng liên kết để giải thích cho ý định và hành vi liên kết chuỗi. Kết quả nghiên cứu cho thấy các giả thuyết nghiên cứu đều được ủng hộ, khẳng định rằng lý thuyết hành vi dự định mở rộng là phù hợp để giải thích cho ý định và hành vi liên kết của hộ nuôi với tác nhân tham gia chuỗi. Các phát hiện của nghiên cứu là đáp ứng kỳ vọng và chứa đựng các thông tin khoa học cần thiết, giá trị để đề xuất các hàm ý quản trị nhằm thúc đẩy ý định và hành vi liên kết giữa hộ nuôi với tác nhân tham gia chuỗi.

Tài liệu tham khảo

1. Ajzen, I. (1991), *The theory of planned behavior*, Organizational Behavior and Human Decision Processes, 50, 179-211.
2. Ajzen, I., & Fishbein, M. (1980), *Understanding attitudes and predicting social behavior*, Eaglewood Cliffs, New Jersey: Prentice-Hall.
3. Arshinder, K., Kanda, S., & Deshmukh, S.G. (2008), Supply chain coordination: Perspectives, empirical studies and research directions, *Int. J. Production Economics*, No 115, pp. 316-335.
4. Cohen, J. (1992), *A power primer*, *Psychological Bulletin*, New York University, No112(1), pp.155-159.

5. Gao, L., Wang, S., Li, J., & Li, H. (2017). Application of the extended the theory of planned behavior to understand individual's energy saving behavior in workplaces. *Resources, Conversation & Recycling*, 127, pp.107-113.
6. Gundlach, G., Achrol, R., & Mentzer, J. (1995). The Structure of Commitment in Exchange, *Journal of Marketing*, No 59, pp.78-92.
7. Handfield, R. B. & Bechtel, C. (2004), Trust, power, dependence, and economics: Can SCM research borrow paradigms?, *International Journal of Integrated Supply Management*, Vol 1, No. 1, pp. 3-32.
8. Hồ Huy Tựu, Nguyễn Văn Ngọc & Đỗ Phương Linh (2018). Các nhân tố hưởng đến hành vi tiêu dùng xanh của người dân Nha Trang, *Tạp chí Kinh tế Đối ngoại*, Số 2, tr.40-57.
9. Maichum, K., Parichatnon, S., & Chung Peng, K. (2016). Application of the extended theory of planned behavior model to investigate purchase intention of green products among Thai consumer. *Journal of Sustainability*, No 8, pp.1-20.
10. Rezaei, R., Mianaji, S., & Ganjloo, A. (2018). Factors affecting farmer's intention to engage in on-farm food safety practices in Iran: Extending the theory of planned behavior, *Journal of Rural Studies*, No 60, pp.152-166.
11. Toni, M., Renzi, M. F., & Mattia, G. (2007). Understanding the link between collaborative economy and sustainable behavior. *Journal of Cleaner Production*, No 17, pp.1-28.
12. Trần Thị Huyền Trang (2017), *Các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ hợp tác của công ty lữ hành với các nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng du lịch*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
13. Soosay, C. A., Hyland, P. W., & Ferrer, M. (2008). Supply chain Collaboration: Capabilities for continuous innovation, *Journal of Supply Chain Management*, No 13, pp.160-169.
14. Zhao, X., Huo, B., Flynn, B.B. & Yeung, J.H.Y. (2007), The impact of power and relationship commitment on the integration between manufactures and customers in a supply chain, *Journal of Operation Management*, No 26, pp.368-388.